TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/. Ông Nguyễn Văn Tư.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Anh K, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã H1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Hoàng Anh K do mai mối nên quen biết nhau, tìm hiểu khoảng 01 năm thì kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H1, huyện C1, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/2012 ngày 20/3/2012. Chúng tôi sống ổn định một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn vào năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không chịu đi làm để

phụ giúp gia đình, tham gia cờ bạc gây nợ 03 lần thiếu nợ rất nhiều tiền, cha mẹ anh Klo trả nợ cho anh Knhiều lần, hiện nay vẫn chưa trả hết. Đến thời điểm hiện nay anh Kvẫn chưa bỏ cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Chúng tôi đã ly thân từ năm 2018 đến nay, tôi về nhà cha mẹ ruột tôi sinh sống, từ lúc ly thân đến nay anh Kcũng không có hòa giải với tôi. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 30/3/2012, từ lúc ly thân đến nay cháu H do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H , không yêu cầu anh Kcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Anh K đã được Tòa án tống hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Anh K, chị T, anh Kcó đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Kcó đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh Kkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hậu Thành, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn 27/2012 ngày 20/3/2012 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh Klà do anh Kkhông lo làm ăn phụ giúp gia đình mà tham gia cờ bạc gây nợ nhiều lần. Chị T nhiều lần khuyên anh Kthay đổi nhưng không có kết quả. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau và từ năm 2018 đến nay chị T, anh Kđã ly thân nhau.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh K. Anh Kmặc dù đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và

các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Chị T và anh Kđã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm, điều đó chứng tỏ anh Kvà chị T đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Kcó một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 30/3/2012, từ lúc ly thân đến nay cháu Hdo chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tại bản tự khai ngày 21/7/2022 cháu Hcũng có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với chị T. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu Hcần tiếp tục giao cháu Hcho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Kcấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị T và anh Kkhông yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Anh K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 30/3/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Kchưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa yêu cầu.

Anh Kcó quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016389 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Hoàng Anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H, huyện C1, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang